

Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa – Vũng Tàu  
 Kỳ thi: Tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026  
 Khóa ngày: 5-7/6/2025  
 Hội đồng: THPT Nguyễn Văn Cừ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
**BẢNG GHI ĐIỂM THI**

| TT | SBD    | Họ và tên             | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường       | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|----|--------|-----------------------|----|------------|-----------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|    |        |                       |    |            |                       | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 1  | 450001 | Nguyễn Danh An        |    | 25/07/2010 | THCS Quảng Thành      | 3.50     | 2.50 | 2.75      | 8.75                  |
| 2  | 450002 | Trương Hoàng Thiên An | x  | 08/01/2010 | THCS Lê Lợi           | 4.75     | 6.50 | 4.00      | 15.25                 |
| 3  | 450003 | Nguyễn Ngọc Hoài An   | x  | 26/06/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ | 5.00     | 2.75 | 3.75      | 11.50                 |
| 4  | 450004 | Nguyễn Thiên An       | x  | 09/02/2010 | THCS Lê Lợi           | 6.25     | 8.75 | 7.00      | 22.00                 |
| 5  | 450005 | Vũ Thu An             | x  | 17/07/2010 | THCS Lý Thường Kiệt   | 6.00     | 8.25 | 8.75      | 23.00                 |
| 6  | 450006 | Nguyễn Cao Kỳ Anh     | x  | 14/09/2010 | THCS Hà Huy Tập       | 4.75     | 6.00 | 2.75      | 13.50                 |
| 7  | 450007 | Nguyễn Đức Anh        |    | 14/09/2010 | THCS Hà Huy Tập       | 3.75     | 2.50 | 3.75      | 10.00                 |
| 8  | 450008 | Phạm Hà Anh           | x  | 20/03/2009 | THCS ngoài tỉnh       | 4.75     | 6.25 | 2.25      | 13.25                 |
| 9  | 450009 | Phạm Hà Anh           | x  | 19/04/2010 | THCS Lý Thường Kiệt   | 5.25     | 7.75 | 5.50      | 18.50                 |
| 10 | 450010 | Nguyễn Hoàng Duy Anh  |    | 05/08/2010 | THCS Lý Thường Kiệt   | 6.25     | 9.50 | 6.25      | 22.00                 |
| 11 | 450011 | Trần Hoàng Minh Anh   |    | 11/09/2010 | THCS Lê Lợi           | 4.00     | 5.25 | 3.50      | 12.75                 |
| 12 | 450012 | Trần Lan Anh          | x  | 06/09/2010 | THCS Hà Huy Tập       | 3.00     | 2.00 | 2.50      | 7.50                  |
| 13 | 450013 | Bùi Mai Duy Anh       |    | 08/12/2009 | THCS Châu Đức         | 4.25     | 3.25 | 3.00      | 10.50                 |
| 14 | 450014 | Quách Ngọc Kim Anh    | x  | 15/08/2010 | THCS Lê Lợi           | 5.75     | 6.50 | 5.50      | 17.75                 |
| 15 | 450015 | Lê Thị Phương Anh     | x  | 28/03/2010 | THCS Lý Thường Kiệt   | 5.50     | 4.00 | 1.75      | 11.25                 |
| 16 | 450016 | Trần Tuấn Anh         |    | 04/02/2010 | THCS Lê Lợi           | 4.75     | 5.25 | 2.75      | 12.75                 |
| 17 | 450017 | Nguyễn Vân Anh        | x  | 17/08/2010 | THCS Lê Lợi           | 5.50     | 6.50 | 3.00      | 15.00                 |
| 18 | 450018 | Trần Nguyễn Hồng Ân   | x  | 04/09/2010 | THCS Lê Lợi           | 4.00     | 6.75 | 3.25      | 14.00                 |
| 19 | 450019 | Ngô Gia Bảo           |    | 01/12/2009 | THCS Nguyễn Trường Tộ | 4.50     | 3.25 | 3.25      | 11.00                 |
| 20 | 450020 | Nguyễn Gia Bảo        |    | 01/07/2010 | THCS Lý Thường Kiệt   | 2.00     | 7.25 | 2.75      | 12.00                 |
| 21 | 450021 | Nguyễn Hoàng Gia Bảo  |    | 21/11/2010 | THCS Hà Huy Tập       | 6.00     | 6.75 | 3.50      | 16.25                 |
| 22 | 450022 | Phạm Hoàng Gia Bảo    |    | 12/03/2010 | THCS Lê Lợi           | 5.50     | 5.50 | 7.00      | 18.00                 |
| 23 | 450023 | Phan Hồ Gia Bảo       |    | 16/12/2010 | THCS Lê Lợi           | 4.00     | 8.00 | 5.25      | 17.25                 |
| 24 | 450024 | Nguyễn Thái Bình      |    | 16/09/2010 | THCS Lê Lợi           | 5.50     | 3.75 | 5.50      | 14.75                 |
| 25 | 450025 | Võ Thị Kim Châu       | x  | 15/08/2009 | THCS Lý Thường Kiệt   | 6.50     | 6.75 | 4.00      | 17.25                 |
| 26 | 450026 | Huỳnh Ngọc Bảo Chi    | x  | 07/01/2010 | THCS Lê Lợi           | 5.50     | 7.00 | 3.50      | 16.00                 |
| 27 | 450027 | Phan Nhật Trúc Chi    | x  | 20/05/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ | 6.00     | 6.50 | 1.75      | 14.25                 |
| 28 | 450028 | Nguyễn Thị Linh Chi   | x  | 26/03/2010 | THCS Hà Huy Tập       | 5.00     | 5.75 | 2.75      | 13.50                 |
| 29 | 450029 | Huỳnh Đức Chiến       |    | 21/01/2010 | THCS Lê Lợi           | 6.00     | 7.00 | 3.00      | 16.00                 |

| TT | SBD    | Họ và tên               | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường          | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|----|--------|-------------------------|----|------------|--------------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|    |        |                         |    |            |                          | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 30 | 450030 | Nguyễn Công Danh        |    | 22/04/2010 | THCS Lê Lợi              | 5.50     | 7.50 | 4.50      | 17.50                 |
| 31 | 450031 | Trần Trúc Di            | x  | 19/12/2009 | THCS Hà Huy Tập          | 6.50     | 8.50 | 4.75      | 19.75                 |
| 32 | 450032 | Phạm Hoàng Ngọc Diệp    | x  | 07/11/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 4.50     | 7.75 | 3.00      | 15.25                 |
| 33 | 450033 | Lê Thị Phúc Diệu        | x  | 31/07/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 3.00     | 5.00 | 2.25      | 10.25                 |
| 34 | 450034 | Vũ Ngọc Phương Dung     | x  | 03/04/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực   | 6.50     | 7.75 | 7.00      | 21.25                 |
| 35 | 450035 | Nguyễn Bảo Duy          |    | 30/10/2009 | THCS Lý Thường Kiệt      | 7.50     | 7.75 | 3.75      | 19.00                 |
| 36 | 450036 | Nguyễn Thanh Duy        |    | 19/11/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 7.50     | 8.50 | 6.50      | 22.50                 |
| 37 | 450037 | Ngô Xuân Nhật Duy       |    | 21/05/2010 | THCS Lê Lợi              | 5.50     | 4.75 | 2.50      | 12.75                 |
| 38 | 450038 | Nguyễn Thị Mỹ Duyên     | x  | 28/11/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 6.00     | 6.75 | 4.25      | 17.00                 |
| 39 | 450039 | Phạm Thái Dũng          |    | 12/09/2010 | THCS Lê Lợi              | 6.00     | 9.00 | 5.50      | 22.00                 |
| 40 | 450040 | Nguyễn Tiến Dũng        |    | 26/01/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 5.50     | 6.00 | 2.50      | 14.00                 |
| 41 | 450041 | Nguyễn Trần Trung Dũng  |    | 06/05/2010 | THCS Lê Lợi              | 6.00     | 6.75 | 6.75      | 19.50                 |
| 42 | 450042 | Phùng Thị Thùy Dương    | x  | 27/10/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 6.50     | 6.75 | 3.25      | 16.50                 |
| 43 | 450043 | Nguyễn Trần Linh Đa     | x  | 16/01/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực   | 5.50     | 6.50 | 3.75      | 15.75                 |
| 44 | 450044 | Chu Khánh Đan           | x  | 22/02/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 7.00     | 8.75 | 5.25      | 21.00                 |
| 45 | 450045 | Trần Nhật Đan           |    | 27/10/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 5.00     | 5.50 | 2.50      | 13.00                 |
| 46 | 450046 | Lê Thị Anh Đào          | x  | 30/10/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 4.50     | 6.50 | 3.00      | 14.00                 |
| 47 | 450047 | Lê Minh Đạt             |    | 22/09/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 4.00     | 3.50 | 3.25      | 10.75                 |
| 48 | 450048 | Hồ Phát Đạt             |    | 18/04/2009 | THCS Võ Trường Toản (CĐ) | 5.25     | 5.25 | 4.25      | 14.75                 |
| 49 | 450049 | Nguyễn Quốc Đạt         |    | 11/07/2009 | THCS Lê Lợi              | 5.25     | 5.50 | 3.25      | 14.00                 |
| 50 | 450050 | Trương Thành Đạt        |    | 17/08/2010 | THCS Lê Lợi              | 5.25     | 8.00 | 4.25      | 17.50                 |
| 51 | 450051 | Nguyễn Tín Đạt          |    | 16/03/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 4.00     | 5.25 | 2.75      | 12.00                 |
| 52 | 450052 | Trần Tuấn Đạt           |    | 26/05/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 5.50     | 8.75 | 6.50      | 20.75                 |
| 53 | 450053 | Trần Minh Đăng          |    | 03/11/2009 | THCS Hà Huy Tập          | 5.25     | 7.25 | 3.00      | 15.50                 |
| 54 | 450054 | Phạm Phúc Điền          |    | 17/02/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 5.75     | 8.75 | 6.00      | 20.50                 |
| 55 | 450055 | Ngô Công Diệp           |    | 28/04/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 2.75     | 6.25 | 3.25      | 12.25                 |
| 56 | 450056 | Nguyễn Minh Đức         |    | 03/11/2009 | THCS Hà Huy Tập          | 5.00     | 1.75 | 3.25      | 10.00                 |
| 57 | 450057 | Nguyễn Ngọc Hương Giang | x  | 15/01/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 6.75     | 7.75 | 6.50      | 21.00                 |
| 58 | 450058 | Đoàn Nguyễn Trà Giang   | x  | 29/09/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ    | 3.75     | 1.75 | 3.00      | 8.50                  |
| 59 | 450059 | Nguyễn Vũ Hoàng Giang   |    | 12/03/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 3.00     | 5.25 | 2.25      | 10.50                 |
| 60 | 450060 | Trần Ngọc Hà            | x  | 22/09/2009 | THCS Lý Thường Kiệt      | 3.75     | 3.50 | 2.75      | 10.00                 |
| 61 | 450061 | Phan Ngọc Khánh Hà      | x  | 12/03/2010 | THCS Lê Lợi              | 6.75     | 7.00 | 7.75      | 21.50                 |
| 62 | 450062 | Phạm Như Thiên Hào      |    | 02/09/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 5.00     | 8.25 | 5.00      | 18.25                 |

| TT | SBD    | Họ và tên              | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường          | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|----|--------|------------------------|----|------------|--------------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|    |        |                        |    |            |                          | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 63 | 450063 | Phan Công Hải          |    | 07/11/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 2.00     | 1.25 | 2.50      | 5.75                  |
| 64 | 450064 | Đào Đình Hải           |    | 27/08/2008 | THCS Nguyễn Trường Tộ    | 3.00     | 1.50 | 2.75      | 8.25                  |
| 65 | 450065 | Nguyễn Ngọc Hải        |    | 17/11/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực   | 2.50     | 1.75 | 2.25      | 6.50                  |
| 66 | 450066 | Nguyễn Phi Hải         |    | 28/01/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 6.00     | 6.50 | 3.00      | 15.50                 |
| 67 | 450067 | Nguyễn Thanh Hải       |    | 11/01/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực   | 5.00     | 7.50 | 3.50      | 16.00                 |
| 68 | 450068 | Hoàng Thái Mỹ Hạnh     | x  | 01/02/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 3.00     | 6.25 | 3.50      | 12.75                 |
| 69 | 450069 | Hà Ngọc Diễm Hằng      | x  | 15/08/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 1.75     | 8.50 | 5.50      | 15.75                 |
| 70 | 450070 | Nguyễn Thị Ánh Hằng    | x  | 28/07/2009 | THCS Lý Thường Kiệt      |          |      |           | 0.00                  |
| 71 | 450071 | Dương Gia Hân          | x  | 07/07/2010 | THCS Kim Long            | 6.00     | 1.50 | 3.75      | 11.25                 |
| 72 | 450072 | Nguyễn Gia Hân         |    | 16/06/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ    | 3.50     | 3.00 | 2.25      | 8.75                  |
| 73 | 450073 | Nguyễn Ngọc Hân        | x  | 10/09/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 3.25     | 5.50 | 3.25      | 12.00                 |
| 74 | 450074 | Lê Ngọc Bảo Hân        | x  | 17/09/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 4.25     | 5.00 | 3.25      | 12.50                 |
| 75 | 450075 | Sỹ Phương Gia Hân      | x  | 17/08/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực   | 4.75     | 3.25 | 2.50      | 11.50                 |
| 76 | 450076 | Trần Văn Hậu           |    | 11/06/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 3.50     | 5.75 | 3.50      | 12.75                 |
| 77 | 450077 | Lê Quang Hiền          |    | 03/03/2010 | THCS Lê Lợi              | 5.75     | 7.75 | 4.00      | 17.50                 |
| 78 | 450078 | Trần Thị Diệu Hiền     | x  | 16/06/2010 | THCS Quảng Thành         | 6.00     | 8.50 | 5.50      | 20.00                 |
| 79 | 450079 | Lê Văn Hiền            |    | 15/09/2010 | THCS Võ Trường Toản (CĐ) | 2.25     | 7.00 | 3.25      | 12.50                 |
| 80 | 450080 | Lê Văn Hiếu            |    | 28/02/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 3.75     | 6.25 | 5.00      | 15.00                 |
| 81 | 450081 | Quách Thị Thúy Hoa     | x  | 07/03/2010 | THCS Lê Lợi              | 6.00     | 8.75 | 5.25      | 20.00                 |
| 82 | 450082 | Nguyễn Minh Hoàng      |    | 23/05/2010 | THCS Quảng Thành         | 3.75     | 4.50 | 5.00      | 13.25                 |
| 83 | 450083 | Trần Nhật Hoàng        |    | 20/04/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 4.00     | 6.25 | 3.00      | 13.25                 |
| 84 | 450084 | Nguyễn Quang Huy Hoàng |    | 11/12/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực   | 3.50     | 7.00 | 3.25      | 13.75                 |
| 85 | 450085 | Nguyễn Thái Hoàng      |    | 15/07/2010 | THCS Lê Lợi              | 6.25     | 5.25 | 4.50      | 16.00                 |
| 86 | 450086 | Võ Thị Kim Hồng        | x  | 01/11/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 6.25     | 6.75 | 3.50      | 16.50                 |
| 87 | 450087 | Trần Đình Huy          |    | 05/10/2009 | THCS Lê Lợi              | 2.50     | 5.25 | 3.25      | 11.00                 |
| 88 | 450088 | Nguyễn Gia Huy         |    | 07/08/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ    | 2.25     | 5.25 | 3.50      | 11.00                 |
| 89 | 450089 | Phạm Gia Huy           |    | 11/09/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 5.50     | 6.25 | 6.75      | 18.50                 |
| 90 | 450090 | Trần Gia Huy           |    | 03/07/2010 | THCS Phan Đình Phùng     | 4.75     | 5.50 | 2.50      | 12.75                 |
| 91 | 450091 | Trần Gia Huy           |    | 17/01/2010 | THCS Lê Lợi              | 5.50     | 7.50 | 9.00      | 22.00                 |
| 92 | 450092 | Phạm Khánh Huy         |    | 16/04/2010 | THCS Lê Lợi              | 3.25     | 5.25 | 6.00      | 14.50                 |
| 93 | 450093 | Phạm Nguyễn Trường Huy |    | 11/08/2008 | THCS Hà Huy Tập          | 5.25     | 6.50 | 6.75      | 18.50                 |
| 94 | 450094 | Nguyễn Quang Huy       |    | 28/01/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực   | 5.00     | 8.00 | 5.00      | 18.00                 |
| 95 | 450095 | Nguyễn Phan Nhật Hùng  |    | 21/08/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực   | 3.75     | 5.75 | 1.75      | 11.25                 |

| TT  | SBD    | Họ và tên               | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường          | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|-----|--------|-------------------------|----|------------|--------------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|     |        |                         |    |            |                          | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 96  | 450096 | Phạm Vĩnh Hưng          |    | 03/10/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 6.00     | 6.75 | 5.25      | 18.00                 |
| 97  | 450097 | Trần Hồ Quỳnh Hương     | x  | 10/10/2010 | THCS Lê Lợi              | 5.75     | 7.00 | 7.25      | 20.00                 |
| 98  | 450098 | Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương | x  | 22/07/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 5.50     | 6.75 | 5.50      | 17.75                 |
| 99  | 450099 | Lê Thị Diễm Hương       | x  | 17/01/2010 | THCS Lê Lợi              | 4.50     | 6.25 | 6.00      | 16.75                 |
| 100 | 450100 | Nguyễn Thị Quỳnh Hương  | x  | 18/09/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 4.50     | 5.75 | 3.25      | 13.50                 |
| 101 | 450101 | Trần Thị Thanh Hương    | x  | 01/01/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 6.50     | 8.50 | 6.00      | 21.00                 |
| 102 | 450102 | Trần Gia Khang          |    | 20/08/2010 | THCS Lê Lợi              |          |      |           | 0.00                  |
| 103 | 450103 | Võ Hoàng Nguyên Khang   |    | 14/09/2010 | THCS Lê Lợi              | 4.50     | 7.00 | 3.75      | 15.25                 |
| 104 | 450104 | Đoàn Minh Khang         |    | 28/06/2010 | THCS Lê Lợi              | 4.25     | 7.25 | 4.00      | 15.50                 |
| 105 | 450105 | Trần Gia Bảo Khanh      |    | 08/02/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 4.75     | 8.25 | 4.00      | 17.00                 |
| 106 | 450106 | Trần Văn Khanh          |    | 16/07/2009 | THCS Nguyễn Trường Tộ    | 4.75     | 5.25 | 1.00      | 11.00                 |
| 107 | 450107 | Bùi Thiên Khải          |    | 16/12/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 2.00     | 3.50 | 1.75      | 7.25                  |
| 108 | 450108 | Nguyễn Trần Quang Khải  |    | 28/08/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 5.75     | 6.75 | 4.75      | 17.25                 |
| 109 | 450109 | Cao Tuấn Khải           |    | 22/08/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 5.00     | 6.50 | 1.75      | 13.25                 |
| 110 | 450110 | Trần Nam Khánh          |    | 22/02/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực   | 5.00     | 2.25 | 2.25      | 9.50                  |
| 111 | 450111 | Nguyễn Quốc Khánh       |    | 02/09/2010 | THCS Lê Lợi              | 3.75     | 4.75 | 2.00      | 10.50                 |
| 112 | 450112 | Tô Anh Khoa             |    | 02/01/2010 | THCS Lê Lợi              | 5.00     | 8.50 | 7.00      | 20.50                 |
| 113 | 450113 | Hà Duy Khoa             |    | 17/02/2010 | THCS Võ Trường Toản (CĐ) | 3.00     | 4.25 | 3.25      | 10.50                 |
| 114 | 450114 | Nguyễn Đăng Khoa        |    | 20/09/2010 | THCS Lê Lợi              | 2.25     | 2.25 | 3.50      | 8.00                  |
| 115 | 450115 | Nguyễn Đăng Khôi        |    | 08/11/2010 | THCS Lê Lợi              | 3.75     | 6.25 | 4.00      | 14.00                 |
| 116 | 450116 | Nguyễn Minh Kiên        |    | 01/06/2009 | THCS Lê Lợi              | 2.50     | 1.00 | 1.50      | 5.00                  |
| 117 | 450117 | Ngô Trung Kiên          |    | 11/02/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 4.75     | 3.25 | 2.50      | 10.50                 |
| 118 | 450118 | Hoàng Anh Kiệt          |    | 04/02/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 3.00     | 0.75 | 2.75      | 6.50                  |
| 119 | 450119 | Trương Gia Kiệt         |    | 13/05/2010 | THCS Lê Lợi              | 2.75     | 5.75 | 4.50      | 13.00                 |
| 120 | 450120 | Nguyễn Quốc Kiệt        |    | 26/08/2010 | THCS Nguyễn Huệ (CĐ)     |          |      |           | 0.00                  |
| 121 | 450121 | Nguyễn Tuấn Kiệt        |    | 16/04/2010 | THCS Lê Lợi              | 3.75     | 6.25 | 3.50      | 13.50                 |
| 122 | 450122 | Trần Tuấn Kiệt          |    | 26/09/2010 | THCS Lê Lợi              | 4.00     | 3.50 | 3.75      | 11.25                 |
| 123 | 450123 | Nguyễn Ngọc Thiên Kim   | x  | 16/04/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 4.25     | 7.75 | 4.50      | 16.50                 |
| 124 | 450124 | Hoàng Trần Mai Lam      | x  | 03/08/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 6.75     | 8.25 | 4.00      | 19.00                 |
| 125 | 450125 | Phan Ngọc Nhã Lan       | x  | 07/07/2010 | THCS Lê Lợi              | 4.75     | 5.75 | 7.00      | 17.50                 |
| 126 | 450126 | Hà Vũ Viết Lâm          |    | 08/02/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 5.25     | 4.75 | 2.00      | 12.00                 |
| 127 | 450127 | Lê Nguyễn Quang Lâm     |    | 20/03/2010 | THCS Lê Lợi              | 4.50     | 7.00 | 6.00      | 17.50                 |
| 128 | 450128 | Nguyễn Thái Thùy Lâm    | x  | 08/09/2009 | THCS Lý Thường Kiệt      | 1.75     | 0.50 | 2.25      | 4.50                  |

| TT  | SBD    | Họ và tên               | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường          | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|-----|--------|-------------------------|----|------------|--------------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|     |        |                         |    |            |                          | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 129 | 450129 | Lý Gia Linh             | x  | 23/07/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực   | 3.75     | 8.25 | 6.75      | 19.75                 |
| 130 | 450130 | Nguyễn Hoàng Nhật Linh  | x  | 10/04/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 7.50     | 8.25 | 6.75      | 22.50                 |
| 131 | 450131 | Nguyễn Lê Bảo Linh      | x  | 24/09/2010 | THCS Phan Bội Châu (CĐ)  | 4.75     | 3.25 | 4.25      | 12.25                 |
| 132 | 450132 | Nguyễn Ngọc Khánh Linh  | x  | 02/03/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 5.75     | 7.75 | 9.50      | 23.00                 |
| 133 | 450133 | Phan Ngọc Nhã Linh      | x  | 07/07/2010 | THCS Lê Lợi              | 6.25     | 7.00 | 6.25      | 19.50                 |
| 134 | 450134 | Nguyễn Phương Linh      | x  | 08/09/2010 | THCS Lê Lợi              | 2.75     | 1.75 | 2.25      | 6.75                  |
| 135 | 450135 | Đoàn Thị Hà Linh        | x  | 14/07/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 4.50     | 6.00 | 1.50      | 12.00                 |
| 136 | 450136 | Đặng Thị Mỹ Linh        | x  | 24/01/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ    | 5.75     | 6.50 | 3.75      | 16.00                 |
| 137 | 450137 | Phạm Gia Long           |    | 24/09/2010 | THCS Lê Lợi              | 5.50     | 7.25 | 4.50      | 17.25                 |
| 138 | 450138 | Trần Hoàng Phi Long     |    | 21/09/2009 | THCS Châu Đức            | 2.50     | 3.75 | 2.25      | 8.50                  |
| 139 | 450139 | Nguyễn Hoàng Thiên Long |    | 28/07/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 2.75     | 3.50 | 4.00      | 10.25                 |
| 140 | 450140 | Văn Nguyễn Hoàng Long   |    | 20/09/2010 | THCS Lê Lợi              | 3.50     | 6.75 | 7.50      | 17.75                 |
| 141 | 450141 | Nguyễn Thiên Long       |    | 26/02/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 4.50     | 5.25 | 4.50      | 14.25                 |
| 142 | 450142 | Trần Văn Long           |    | 09/03/2010 | THCS Võ Trường Toản (CĐ) | 3.75     | 4.00 | 3.75      | 11.50                 |
| 143 | 450143 | Vũ Đức Lộc              |    | 21/12/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      |          |      |           | 0.00                  |
| 144 | 450144 | Nguyễn Kiều Trúc Ly     | x  | 10/09/2010 | THCS Lê Lợi              | 5.75     | 7.00 | 2.50      | 15.25                 |
| 145 | 450145 | Trần Thị Bích Ly        | x  | 08/08/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực   | 5.50     | 7.00 | 3.75      | 16.25                 |
| 146 | 450146 | Nguyễn Thị Kiều Ly      | x  | 12/04/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 5.25     | 4.75 | 3.50      | 13.50                 |
| 147 | 450147 | Nguyễn Duy Mạnh         |    | 12/01/2010 | THCS Lê Lợi              | 4.75     | 3.50 | 4.25      | 12.50                 |
| 148 | 450148 | Lê Phạm Hoàng Mi        | x  | 04/05/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 5.50     | 5.00 | 2.75      | 13.25                 |
| 149 | 450149 | Nguyễn Công Minh        |    | 15/06/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 4.75     | 6.50 | 4.25      | 15.50                 |
| 150 | 450150 | Dương Đình Quốc Minh    |    | 19/08/2010 | THCS Lê Lợi              | 4.25     | 4.00 | 1.25      | 9.50                  |
| 151 | 450151 | Ngô Hoàng Nhật Minh     |    | 05/04/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ    | 2.25     | 0.75 | 2.75      | 5.75                  |
| 152 | 450152 | Nguyễn Thị Minh         | x  | 19/02/2010 | THCS Lê Lợi              | 4.00     | 6.75 | 4.50      | 15.25                 |
| 153 | 450153 | Phạm Tiến Minh          |    | 09/07/2010 | THCS Lê Lợi              | 2.00     | 6.00 | 4.50      | 12.50                 |
| 154 | 450154 | Đỗ Hoài My              | x  | 11/09/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 6.50     | 4.50 | 2.00      | 14.00                 |
| 155 | 450155 | Võ Nguyễn Kiều My       | x  | 14/12/2009 | THCS Phan Đình Phùng     | 4.00     | 3.25 | 1.75      | 9.00                  |
| 156 | 450156 | Trương Thị Kiều My      | x  | 19/01/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 7.00     | 9.00 | 6.50      | 22.50                 |
| 157 | 450157 | Trần Trà My             | x  | 26/10/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 3.50     | 6.75 | 3.00      | 13.25                 |
| 158 | 450158 | Bùi Phan Thị Thuỳ My    | x  | 22/04/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực   | 3.75     | 1.25 | 3.50      | 8.50                  |
| 159 | 450159 | Nguyễn Mậu Vi Na        | x  | 25/09/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 8.25     | 8.75 | 4.25      | 21.25                 |
| 160 | 450160 | Hồ Nữ My Na             | x  | 21/10/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 5.50     | 6.50 | 2.50      | 14.50                 |
| 161 | 450161 | Trần Bảo Nam            |    | 21/05/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 4.50     | 5.00 | 4.75      | 14.25                 |

| TT  | SBD    | Họ và tên              | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường          | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|-----|--------|------------------------|----|------------|--------------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|     |        |                        |    |            |                          | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 162 | 450162 | Nguyễn Hoàng Nam       |    | 13/03/2010 | THCS Võ Trường Toản (CĐ) | 3.50     | 7.00 | 3.50      | 14.00                 |
| 163 | 450163 | Nguyễn Hoàng Bảo Nam   |    | 08/01/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ    | 4.50     | 6.75 | 2.25      | 13.50                 |
| 164 | 450164 | Lương Thành Nam        |    | 08/03/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực   | 8.25     | 8.75 | 8.25      | 26.25                 |
| 165 | 450165 | Phan Kim Ngân          | x  | 12/09/2010 | THCS Lê Lợi              | 4.50     | 4.50 | 3.00      | 12.00                 |
| 166 | 450166 | Đặng Lê Thiên Ngân     | x  | 24/01/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ    | 6.75     | 8.75 | 6.25      | 21.75                 |
| 167 | 450167 | Nguyễn Thị Phương Ngân | x  | 08/03/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực   | 6.50     | 9.00 | 6.00      | 21.50                 |
| 168 | 450168 | Vũ Đình Nghĩa          |    | 04/08/2010 | THCS Lê Lợi              | 4.25     | 8.25 | 5.00      | 17.50                 |
| 169 | 450169 | Nguyễn Hoàng Gia Nghĩa |    | 21/09/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ    | 3.00     | 3.75 | 2.75      | 9.50                  |
| 170 | 450170 | Phạm Đoàn Ánh Ngọc     | x  | 03/03/2010 | THCS Lê Lợi              | 7.75     | 8.75 | 8.00      | 24.50                 |
| 171 | 450171 | Đặng Nguyễn Bảo Ngọc   | x  | 26/10/2010 | THCS Lê Lợi              | 4.00     | 3.25 | 3.50      | 10.75                 |
| 172 | 450172 | Nguyễn Nữ Bảo Ngọc     | x  | 02/09/2010 | THCS Phan Đình Phùng     | 4.25     | 4.75 | 3.50      | 12.50                 |
| 173 | 450173 | Nguyễn Thanh Ngọc      | x  | 11/05/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực   | 4.00     | 2.50 | 2.75      | 9.25                  |
| 174 | 450174 | Nguyễn Thị Bảo Ngọc    | x  | 12/12/2010 | THCS Võ Trường Toản (CĐ) | 4.50     | 3.00 | 2.00      | 9.50                  |
| 175 | 450175 | Hồ Trần Như Ngọc       | x  | 07/04/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 2.00     | 3.25 | 1.50      | 6.75                  |
| 176 | 450176 | Đinh Thảo Nguyên       | x  | 05/08/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ    | 5.00     | 4.00 | 2.75      | 11.75                 |
| 177 | 450177 | Phạm Thị Hạnh Nguyên   | x  | 04/09/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực   | 6.50     | 2.75 | 2.75      | 12.00                 |
| 178 | 450178 | Bùi Trần Nhật Nguyên   |    | 07/05/2009 | THCS Lê Lợi              | 4.25     | 3.75 | 2.75      | 10.75                 |
| 179 | 450179 | Phạm Hoàng Lê Nguyễn   | x  | 15/07/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 7.00     | 7.50 | 4.25      | 18.75                 |
| 180 | 450180 | Nguyễn Đại Nhân        |    | 06/09/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực   | 5.75     | 2.75 | 3.00      | 11.50                 |
| 181 | 450181 | Nguyễn Thành Nhân      |    | 18/02/2010 | THCS Lê Lợi              | 6.50     | 7.25 | 5.75      | 19.50                 |
| 182 | 450182 | Nguyễn Anh Minh Nhật   |    | 20/04/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 2.00     | 1.75 | 1.75      | 5.50                  |
| 183 | 450183 | Võ Hoàng Nhật          |    | 13/01/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 4.00     | 5.00 | 2.25      | 11.25                 |
| 184 | 450184 | Hàn Minh Nhật          |    | 21/04/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ    | 4.25     | 1.25 | 2.75      | 8.25                  |
| 185 | 450185 | Lê Minh Nhật           |    | 12/07/2010 | THCS Lê Lợi              | 4.50     | 8.25 | 4.00      | 16.75                 |
| 186 | 450186 | Nguyễn Minh Nhật       |    | 09/02/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 5.50     | 6.50 | 3.50      | 15.50                 |
| 187 | 450187 | Nguyễn Minh Nhật       |    | 15/04/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 6.25     | 7.25 | 4.75      | 18.25                 |
| 188 | 450188 | Hoàng Tiến Nhật        |    | 11/11/2009 | THCS Hà Huy Tập          | 5.75     | 3.00 | 2.75      | 11.50                 |
| 189 | 450189 | Lê Hoài Khả Nhi        | x  | 29/04/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 6.25     | 4.25 | 3.00      | 13.50                 |
| 190 | 450190 | Đặng Hồng Yến Nhi      | x  | 24/01/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ    | 7.25     | 6.25 | 2.50      | 16.00                 |
| 191 | 450191 | Phạm Ngọc Nhi          | x  | 04/01/2010 | THCS Lê Lợi              | 6.00     | 7.50 | 3.75      | 17.25                 |
| 192 | 450192 | Ngô Nguyễn Thảo Nhi    | x  | 15/11/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực   | 6.25     | 8.75 | 5.75      | 20.75                 |
| 193 | 450193 | Đặng Phan Bảo Nhi      | x  | 01/06/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 5.25     | 2.25 | 4.00      | 11.50                 |
| 194 | 450194 | Lê Thị Yến Nhi         | x  | 16/08/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 5.50     | 6.25 | 2.00      | 13.75                 |

| TT  | SBD    | Họ và tên                 | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường          | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|-----|--------|---------------------------|----|------------|--------------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|     |        |                           |    |            |                          | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 195 | 450195 | Lê Trần Bảo Nhi           | x  | 26/03/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực   | 5.25     | 5.00 | 1.50      | 11.75                 |
| 196 | 450196 | Hoàng Vũ Luân Nhi         | x  | 29/01/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ    | 4.50     | 3.75 | 3.00      | 11.25                 |
| 197 | 450197 | Trần Thị Tuyết Nhung      | x  | 03/02/2010 | THCS Lê Lợi              | 6.00     | 8.00 | 5.00      | 19.00                 |
| 198 | 450198 | Trần Hân Như              | x  | 07/06/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 6.25     | 3.50 | 2.75      | 12.50                 |
| 199 | 450199 | Lê Ngọc Quỳnh Như         | x  | 08/06/2010 | THCS Lê Lợi              | 7.25     | 7.25 | 6.25      | 20.75                 |
| 200 | 450200 | Lê Thị Quỳnh Như          | x  | 10/06/2010 | THCS Phan Đình Phùng     | 2.25     | 1.50 | 2.25      | 6.00                  |
| 201 | 450201 | Nguyễn An Ninh            |    | 20/12/2009 | THCS Lý Thường Kiệt      | 5.75     | 7.25 | 6.00      | 19.00                 |
| 202 | 450202 | Lưu Thuận Ninh            |    | 11/12/2010 | THCS Kim Long            | 5.75     | 4.50 | 4.25      | 15.50                 |
| 203 | 450203 | Phan Công Phát            |    | 11/08/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 7.50     | 9.00 | 5.25      | 21.75                 |
| 204 | 450204 | Trần Đức Hoàng Phát       |    | 07/02/2009 | THCS Nguyễn Trường Tộ    | 3.75     | 1.75 | 2.00      | 7.50                  |
| 205 | 450205 | Lê Huy Phát               |    | 03/01/2010 | THCS Châu Đức            | 6.50     | 6.00 | 3.75      | 16.25                 |
| 206 | 450206 | Nguyễn Ngọc Tấn Phát      |    | 06/11/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ    | 5.00     | 3.50 | 1.75      | 10.25                 |
| 207 | 450207 | Phạm Tấn Phát             |    | 17/12/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 3.50     | 5.50 | 3.25      | 12.25                 |
| 208 | 450208 | Nguyễn Anh Phi            |    | 20/01/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 6.25     | 5.75 | 2.00      | 14.00                 |
| 209 | 450209 | Nguyễn Hoàng Phi          |    | 09/03/2010 | THCS Lê Lợi              | 4.50     | 5.00 | 4.25      | 13.75                 |
| 210 | 450210 | Phạm Hoàng Phi            |    | 31/01/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực   | 6.75     | 8.25 | 7.00      | 22.00                 |
| 211 | 450211 | Lê Hoàng Đình Phong       |    | 29/05/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực   | 3.50     | 5.75 | 3.50      | 12.75                 |
| 212 | 450212 | Nguyễn Hoàng Gia Phong    |    | 22/07/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 4.00     | 7.50 | 3.00      | 14.50                 |
| 213 | 450213 | Võ Minh Phong             |    | 16/02/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 6.75     | 6.75 | 3.25      | 16.75                 |
| 214 | 450214 | Trương Ngọc Phú           |    | 26/01/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 4.25     | 4.00 | 1.75      | 10.00                 |
| 215 | 450215 | Võ Nhứt Phú               |    | 21/03/2009 | THCS Nguyễn Trung Trực   |          |      |           | 0.00                  |
| 216 | 450216 | Võ Phúc                   |    | 22/08/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 5.25     | 8.00 | 5.25      | 18.50                 |
| 217 | 450217 | Nguyễn Đình Phúc          |    | 21/09/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 7.00     | 6.75 | 5.75      | 19.50                 |
| 218 | 450218 | Bùi Hoàng Phúc            |    | 19/05/2010 | THCS Lê Lợi              | 2.00     | 3.75 | 5.50      | 11.25                 |
| 219 | 450219 | Hồ Thị Bích Phương        | x  | 09/02/2010 | THCS Lê Lợi              | 3.75     | 3.75 | 2.75      | 10.25                 |
| 220 | 450220 | Trương Thị Mai Phương     | x  | 03/08/2010 | THCS Võ Trường Toản (CĐ) | 3.50     | 0.75 |           | 4.25                  |
| 221 | 450221 | Cổng Vinh Quang           |    | 02/08/2010 | THCS Võ Trường Toản (CĐ) | 4.00     | 4.00 | 2.75      | 11.75                 |
| 222 | 450222 | Nguyễn Thanh Quân         |    | 21/04/2009 | THCS Lý Thường Kiệt      | 4.25     | 4.25 | 6.00      | 14.50                 |
| 223 | 450223 | Nguyễn Minh Quốc          |    | 20/07/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 4.00     | 3.75 | 4.50      | 12.25                 |
| 224 | 450224 | Nguyễn Thị Đỗ Quyên       | x  | 22/02/2008 | THCS Lý Thường Kiệt      |          |      |           | 0.00                  |
| 225 | 450225 | Trần Thị Thanh Quyên      | x  | 08/10/2010 | THCS Lê Lợi              | 6.25     | 7.50 | 5.50      | 19.25                 |
| 226 | 450226 | Nguyễn Đỗ Hồng Xuân Quỳnh | x  | 28/09/2010 | THCS Lê Lợi              | 6.00     | 3.00 | 2.75      | 11.75                 |
| 227 | 450227 | Nguyễn Mỹ Quỳnh           | x  | 09/02/2010 | THCS Lê Lợi              | 6.25     | 8.25 | 7.25      | 21.75                 |

| TT  | SBD    | Họ và tên               | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường        | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|-----|--------|-------------------------|----|------------|------------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|     |        |                         |    |            |                        | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 228 | 450228 | Phan Nguyễn Xuân Quỳnh  | x  | 15/05/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực | 7.00     | 6.00 | 5.00      | 18.00                 |
| 229 | 450229 | Nguyễn Thị Diễm Quỳnh   | x  | 07/01/2010 | THCS Hà Huy Tập        | 5.25     | 7.25 | 1.75      | 14.25                 |
| 230 | 450230 | Lê Thị Như Quỳnh        | x  | 04/10/2010 | THCS Lý Thường Kiệt    | 5.50     | 8.00 | 6.25      | 19.75                 |
| 231 | 450231 | Trần Phú Quý            |    | 27/11/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực | 5.50     | 2.50 | 2.75      | 10.75                 |
| 232 | 450232 | Bùi Văn Sang            |    | 27/03/2009 | THCS Xà Bang           | 3.25     | 7.00 | 2.00      | 12.25                 |
| 233 | 450233 | Trương Ngọc Sáng        |    | 28/02/2010 | THCS Lý Thường Kiệt    | 5.00     | 3.25 | 1.75      | 10.00                 |
| 234 | 450234 | Võ Quý Sĩ               |    | 09/05/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ  | 4.50     | 7.00 | 3.25      | 14.75                 |
| 235 | 450235 | Lê Hải Sơn              |    | 12/02/2010 | THCS Châu Đức          | 5.75     | 4.75 | 2.75      | 13.25                 |
| 236 | 450236 | Trần Hữu Tuấn Tài       |    | 04/08/2010 | THCS Lý Thường Kiệt    | 6.50     | 8.50 | 7.25      | 22.25                 |
| 237 | 450237 | Trần Tấn Tài            |    | 14/07/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực | 7.00     | 8.75 | 7.00      | 22.75                 |
| 238 | 450238 | Mai Tiến Tài            |    | 07/11/2010 | THCS Lê Lợi            | 3.25     | 4.00 | 4.25      | 11.50                 |
| 239 | 450239 | Hồ Thị Ánh Tâm          | x  | 18/07/2010 | THCS Lê Lợi            | 6.00     | 5.75 | 3.75      | 15.50                 |
| 240 | 450240 | Nguyễn Trương Thành Tâm |    | 20/01/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực | 3.50     | 6.75 | 6.00      | 16.25                 |
| 241 | 450241 | Nguyễn Nhật Tân         |    | 18/10/2009 | THCS Lý Thường Kiệt    | 7.00     | 8.75 | 5.25      | 21.00                 |
| 242 | 450242 | Chương Hoàng Tấn        |    | 10/01/2010 | THCS Lý Thường Kiệt    | 5.25     | 9.00 | 6.50      | 20.75                 |
| 243 | 450243 | Dương Quốc Tấn          |    | 03/04/2010 | THCS Lê Lợi            | 5.00     | 4.75 | 3.25      | 13.00                 |
| 244 | 450244 | Bùi Công Thành          |    | 15/02/2010 | THCS Lý Thường Kiệt    | 3.50     | 2.25 | 4.50      | 10.25                 |
| 245 | 450245 | Phạm Tuấn Thành         |    | 27/03/2010 | THCS Lê Lợi            | 5.00     | 8.75 | 4.75      | 18.50                 |
| 246 | 450246 | Nguyễn Phương Thảo      | x  | 31/07/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ  | 3.00     | 1.75 | 2.25      | 7.00                  |
| 247 | 450247 | Đinh Thiên Thảo         | x  | 18/01/2010 | THCS Hà Huy Tập        | 6.50     | 7.75 | 7.25      | 21.50                 |
| 248 | 450248 | Trần Thị Linh Thảo      | x  | 09/11/2009 | THCS Lý Thường Kiệt    | 5.50     | 5.50 | 3.75      | 14.75                 |
| 249 | 450249 | Nguyễn Thị Phương Thảo  | x  | 03/10/2009 | THCS Lý Thường Kiệt    | 7.25     | 8.50 | 6.25      | 22.00                 |
| 250 | 450250 | Lê Thị Thu Thảo         | x  | 04/02/2010 | THCS Lê Lợi            | 7.00     | 8.25 | 6.00      | 21.25                 |
| 251 | 450251 | Võ Thụy Dạ Thảo         | x  | 19/10/2010 | THCS Lê Lợi            | 4.50     | 4.00 | 4.00      | 12.50                 |
| 252 | 450252 | Hồ Quốc Thái            |    | 15/10/2010 | THCS Hà Huy Tập        | 5.00     | 9.00 | 6.50      | 20.50                 |
| 253 | 450253 | Nguyễn Trọng Thạch      |    | 21/08/2010 | THCS Lê Lợi            | 5.25     | 7.00 | 4.00      | 16.25                 |
| 254 | 450254 | Tổng Nhất Thắng         |    | 30/04/2010 | THCS Lý Thường Kiệt    |          |      |           | 0.00                  |
| 255 | 450255 | Phan Phước Thắng        |    | 21/04/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực | 6.50     | 7.00 | 4.00      | 17.50                 |
| 256 | 450256 | Nguyễn Quốc Thắng       |    | 10/09/2010 | THCS Lê Lợi            | 4.50     | 9.00 | 3.75      | 17.25                 |
| 257 | 450257 | Nguyễn Trung Thiên      |    | 15/03/2010 | THCS Lê Lợi            | 7.00     | 9.00 | 6.25      | 22.25                 |
| 258 | 450258 | Bùi Gia Thịnh           |    | 26/06/2010 | THCS Lê Lợi            | 5.00     | 6.50 | 3.50      | 15.00                 |
| 259 | 450259 | Trần Gia Hưng Thịnh     |    | 01/08/2010 | THCS Lê Lợi            | 5.75     | 6.25 | 4.75      | 16.75                 |
| 260 | 450260 | Đặng Thị Kim Thu        | x  | 19/02/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực | 4.50     | 1.25 | 3.50      | 9.25                  |

| TT  | SBD    | Họ và tên              | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường          | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|-----|--------|------------------------|----|------------|--------------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|     |        |                        |    |            |                          | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 261 | 450261 | Hà Anh Thư             | x  | 24/05/2009 | THCS Hà Huy Tập          | 4.50     | 1.50 | 3.50      | 9.50                  |
| 262 | 450262 | Nguyễn Hoài Minh Thư   | x  | 26/07/2010 | THCS Lê Lợi              | 4.00     | 5.50 | 2.25      | 11.75                 |
| 263 | 450263 | Nguyễn Hoàng Anh Thư   | x  | 28/04/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 7.50     | 8.00 | 3.50      | 19.00                 |
| 264 | 450264 | Nguyễn Thanh Anh Thư   | x  | 10/06/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ    | 3.50     | 4.75 | 3.25      | 11.50                 |
| 265 | 450265 | Nguyễn Thị Anh Thư     | x  | 28/05/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 6.25     | 8.75 | 7.50      | 22.50                 |
| 266 | 450266 | Trần Thị Minh Thư      | x  | 04/03/2010 | THCS Hà Huy Tập          | 6.25     | 5.25 | 4.50      | 16.00                 |
| 267 | 450267 | Nguyễn Thị Hoài Thương | x  | 25/03/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 7.00     | 7.25 | 3.25      | 17.50                 |
| 268 | 450268 | Huỳnh Cẩm Thy          | x  | 12/02/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 5.50     | 6.00 | 4.50      | 16.00                 |
| 269 | 450269 | Thái Nguyễn Yến Thy    | x  | 30/01/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ    | 5.25     | 3.50 | 5.25      | 14.00                 |
| 270 | 450270 | Võ Cẩm Tiên            | x  | 04/10/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 8.25     | 8.75 | 6.25      | 23.25                 |
| 271 | 450271 | Trần Nguyễn Mỹ Tiên    | x  | 04/10/2010 | THCS Kim Long            | 3.00     | 2.00 | 2.75      | 7.75                  |
| 272 | 450272 | Thái Thanh Thuỷ Tiên   | x  | 20/03/2010 | THCS Lê Lợi              | 5.50     | 7.25 | 1.75      | 14.50                 |
| 273 | 450273 | Đinh Trần Thùy Tiên    | x  | 08/07/2010 | THCS Lê Lợi              | 6.00     | 7.50 | 3.75      | 17.25                 |
| 274 | 450274 | Võ Quý Tiến            |    | 09/05/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ    | 3.50     | 7.50 | 2.75      | 13.75                 |
| 275 | 450275 | Bùi Thị Thùy Trang     | x  | 28/07/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 3.50     | 5.00 | 4.75      | 13.25                 |
| 276 | 450276 | Lê Thị Thùy Trang      | x  | 05/10/2010 | THCS Lê Lợi              | 4.00     | 7.00 | 3.50      | 14.50                 |
| 277 | 450277 | Nguyễn Hồng Bảo Trâm   | x  | 14/12/2010 | THCS Võ Trường Toản (CĐ) | 4.00     | 7.25 | 2.75      | 14.00                 |
| 278 | 450278 | Đào Ngọc Trâm          | x  | 15/06/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 6.25     | 4.50 | 3.75      | 15.50                 |
| 279 | 450279 | Hồ Quỳnh Trâm          | x  | 16/04/2010 | THCS Lê Lợi              | 3.25     | 5.75 | 2.50      | 11.50                 |
| 280 | 450280 | Hoàng Ngọc Trân        | x  | 07/05/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 4.75     | 5.75 | 3.25      | 13.75                 |
| 281 | 450281 | Nguyễn Phạm Bảo Trân   | x  | 20/01/2010 | THCS Lê Lợi              | 6.50     | 7.00 | 6.75      | 20.25                 |
| 282 | 450282 | Trần Đình Minh Triết   |    | 27/05/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 3.50     | 4.50 | 3.75      | 11.75                 |
| 283 | 450283 | Hồ Thanh Phương Trinh  | x  | 12/01/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ    | 3.75     | 2.25 | 3.50      | 9.50                  |
| 284 | 450284 | Hoàng Minh Trí         |    | 29/05/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 6.00     | 3.50 | 1.50      | 11.00                 |
| 285 | 450285 | Vũ Đức Trọng           |    | 27/04/2010 | THCS Lê Lợi              | 6.25     | 7.75 | 4.50      | 18.50                 |
| 286 | 450286 | Nguyễn Minh Trọng      |    | 09/11/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực   | 4.25     | 7.25 | 7.25      | 18.75                 |
| 287 | 450287 | Nguyễn Tiến Trung      |    | 19/10/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 6.25     | 4.25 | 3.75      | 14.25                 |
| 288 | 450288 | Nguyễn Hoàng Bảo Trúc  | x  | 14/06/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 6.00     | 8.75 | 5.50      | 20.25                 |
| 289 | 450289 | Phan Hồ Thanh Trúc     | x  | 01/01/2010 | THCS Quảng Thành         | 4.50     | 3.25 | 2.50      | 10.25                 |
| 290 | 450290 | Hoàng Thị Xuân Trúc    | x  | 06/06/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 6.25     | 7.75 | 2.25      | 16.25                 |
| 291 | 450291 | Phạm Anh Trường        |    | 21/10/2009 | THCS Nguyễn Trường Tộ    | 4.00     | 2.00 | 1.75      | 7.75                  |
| 292 | 450292 | Phan Phi Trường        |    | 24/10/2010 | THCS Lý Thường Kiệt      | 5.50     | 5.00 | 3.50      | 14.00                 |
| 293 | 450293 | Nguyễn Phúc Trường     |    | 02/02/2010 | THCS Lê Lợi              | 6.00     | 7.75 | 5.25      | 19.00                 |

| TT  | SBD    | Họ và tên               | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường        | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|-----|--------|-------------------------|----|------------|------------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|     |        |                         |    |            |                        | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 294 | 450294 | Ngô Minh Tuấn           |    | 06/04/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực | 3.75     | 1.25 | 1.75      | 6.75                  |
| 295 | 450295 | Trần Quốc Tuấn          |    | 18/10/2009 | THCS Hà Huy Tập        | 6.00     | 7.00 | 1.50      | 14.50                 |
| 296 | 450296 | Nguyễn Trọng Tuệ        |    | 21/06/2010 | THCS Phan Đình Phùng   | 3.75     | 3.75 | 1.75      | 9.25                  |
| 297 | 450297 | Phan Thị Lâm Tuyền      | x  | 15/11/2010 | THCS Lê Lợi            | 6.25     | 9.00 | 7.00      | 22.25                 |
| 298 | 450298 | Hoàng Ánh Tuyết         | x  | 24/04/2010 | THCS Lý Thường Kiệt    | 6.25     | 3.25 | 4.75      | 14.25                 |
| 299 | 450299 | Tô Thị Ánh Tuyết        | x  | 21/11/2010 | THCS Phan Đình Phùng   | 6.25     | 4.50 | 2.00      | 12.75                 |
| 300 | 450300 | Vũ Tùng                 |    | 05/08/2010 | THCS Hà Huy Tập        | 5.00     | 3.25 | 1.75      | 10.00                 |
| 301 | 450301 | Phan Gia Uy             |    | 15/11/2010 | THCS Lê Lợi            | 4.00     | 6.75 | 3.00      | 13.75                 |
| 302 | 450302 | Trần Ngọc Thảo Uyên     | x  | 25/09/2010 | THCS Lý Thường Kiệt    | 6.00     | 7.25 | 2.25      | 15.50                 |
| 303 | 450303 | Trần Phương Uyên        | x  | 14/09/2010 | THCS Lê Lợi            | 4.00     | 4.50 | 3.00      | 11.50                 |
| 304 | 450304 | Đào Thị Mỹ Uyên         | x  | 15/05/2010 | THCS Lê Lợi            | 4.25     | 3.00 | 3.75      | 11.00                 |
| 305 | 450305 | Phạm Bích Vân           | x  | 04/01/2010 | THCS Lê Lợi            | 6.75     | 8.50 | 9.25      | 24.50                 |
| 306 | 450306 | Nguyễn Thị Bích Vân     | x  | 04/11/2010 | THCS Hà Huy Tập        | 5.25     | 7.25 | 3.50      | 16.00                 |
| 307 | 450307 | Nguyễn Hoa Tường Vi     | x  | 19/04/2010 | THCS Hà Huy Tập        | 5.00     | 6.00 | 3.50      | 14.50                 |
| 308 | 450308 | Lê Nguyễn Phương Vi     | x  | 15/08/2010 | THCS Lê Lợi            | 8.25     | 8.75 | 7.50      | 24.50                 |
| 309 | 450309 | Nguyễn Thị Ngọc Thảo Vi | x  | 21/03/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ  | 5.25     | 6.25 | 3.75      | 15.25                 |
| 310 | 450310 | Nguyễn Phú Vinh         |    | 21/06/2010 | THCS Nguyễn Trường Tộ  | 5.50     | 3.00 | 4.75      | 13.25                 |
| 311 | 450311 | Nguyễn Quang Vinh       |    | 13/01/2010 | THCS Lý Thường Kiệt    | 4.00     | 5.00 | 2.50      | 11.50                 |
| 312 | 450312 | Trịnh Quang Vinh        |    | 02/11/2010 | THCS Phan Đình Phùng   | 3.75     | 2.50 | 1.75      | 8.00                  |
| 313 | 450313 | Nguyễn Thế Minh Vương   |    | 25/10/2010 | THCS Lý Thường Kiệt    | 5.25     | 8.00 | 5.25      | 18.50                 |
| 314 | 450314 | Nguyễn Hoài Tường Vy    | x  | 13/12/2010 | THCS Lê Lợi            | 6.25     | 8.25 | 9.00      | 23.50                 |
| 315 | 450315 | Nguyễn Khánh Vy         | x  | 20/02/2010 | THCS Lý Thường Kiệt    | 3.75     | 4.25 | 2.50      | 10.50                 |
| 316 | 450316 | Nguyễn Ngọc Phương Vy   | x  | 08/04/2010 | THCS Lê Lợi            | 4.75     | 3.50 | 3.50      | 11.75                 |
| 317 | 450317 | Phạm Ngọc Phương Vy     | x  | 01/03/2010 | THCS Lý Thường Kiệt    | 4.50     | 5.25 | 4.00      | 13.75                 |
| 318 | 450318 | Nguyễn Ngọc Tường Vy    | x  | 25/05/2010 | THCS Lê Lợi            | 4.75     | 5.50 | 4.25      | 14.50                 |
| 319 | 450319 | Nguyễn Thị Kiều Vy      | x  | 23/08/2010 | THCS Hà Huy Tập        | 4.25     | 4.00 | 2.75      | 11.00                 |
| 320 | 450320 | Nguyễn Thị Kiều Vy      | x  | 01/10/2010 | THCS Hà Huy Tập        | 3.75     | 3.25 | 4.25      | 11.25                 |
| 321 | 450321 | Phan Thị Thảo Vy        | x  | 20/10/2010 | THCS Lý Thường Kiệt    | 4.00     | 4.75 | 3.75      | 13.50                 |
| 322 | 450322 | Phan Thị Thúy Vy        | x  | 14/08/2010 | THCS Lý Thường Kiệt    | 5.75     | 3.75 | 2.00      | 11.50                 |
| 323 | 450323 | Trần Vy Vy              | x  | 22/02/2010 | THCS Lý Thường Kiệt    | 5.25     | 5.75 | 2.25      | 13.25                 |
| 324 | 450324 | Đặng Thị Ngọc Xuân      | x  | 18/02/2010 | THCS Hà Huy Tập        | 5.00     | 5.00 | 3.50      | 13.50                 |
| 325 | 450325 | Phạm Lê Kim Xuyến       | x  | 02/08/2010 | THCS Lý Thường Kiệt    | 4.50     | 1.50 | 2.50      | 8.50                  |
| 326 | 450326 | Nguyễn Ngọc Kim Xuyến   | x  | 10/10/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực | 5.75     | 1.75 | 3.25      | 10.75                 |

| TT  | SBD    | Họ và tên           | Nữ | Ngày sinh  | Học sinh trường        | Điểm thi |      |           | Tổng điểm<br>xét THPT |
|-----|--------|---------------------|----|------------|------------------------|----------|------|-----------|-----------------------|
|     |        |                     |    |            |                        | Văn      | Toán | Tiếng Anh |                       |
| 327 | 450327 | Nguyễn Ngọc Hải Yến | x  | 11/01/2010 | THCS Hà Huy Tập        | 6.00     | 6.75 | 4.25      | 17.00                 |
| 328 | 450328 | Nguyễn Thị Yến      | x  | 22/03/2010 | THCS Lý Thường Kiệt    | 6.75     | 8.75 | 6.25      | 21.75                 |
| 329 | 450329 | Nguyễn Thị Hải Yến  | x  | 12/04/2010 | THCS Hà Huy Tập        | 4.00     | 6.25 | 4.25      | 14.50                 |
| 330 | 450330 | Nguyễn Thị Ngọc Yến | x  | 05/01/2010 | THCS Lê Lợi            | 4.25     | 6.50 | 6.00      | 16.75                 |
| 331 | 450331 | Dương Ngọc Như Ý    | x  | 02/02/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực | 5.75     | 7.50 | 6.75      | 21.00                 |
| 332 | 450332 | Phan Trần Như Ý     | x  | 02/08/2010 | THCS Nguyễn Trung Trực | 4.75     | 3.25 | 3.50      | 11.50                 |

*Bảng này có 332 thí sinh. Có 324 thí sinh dự thi đủ môn.*

*\* Tổng điểm xét tuyển THPT đã bao gồm điểm ưu tiên, khuyến khích./.*